TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2022/DS-PT
Ngày: 06-9-2022
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Tấn Quốc

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1944. Ông V đồng thời là người giám hộ của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1951 (theo Quyết định số 02/2021/QĐST-DS ngày 10-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 571/18 Khu phố 3, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 28-01-2022).

Địa chỉ liên lạc: Số 189, ấp 3, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Minh T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường Y, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Vũ Thanh H1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường Y, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc M1, chức vụ phó giám đốc chi nhánh Mộc Hóa.

Địa chỉ: Phường Y, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn V - Nguyên đơn.

(Ông H, ông T, bà H1 và ông M1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-12-2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Huỳnh Văn V do ông Nguyễn Văn H đại diện trình bày:

Vào năm 2005, vợ chồng ông V, bà M có vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long chi nhánh Mộc Hóa (Nay là Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam) số tiền 250.000.000 đồng có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy đứng tên ông V, 01 giấy đứng tên bà M, đất tọa lạc tại 02 xã khác nhau. Ngày 10-4-2006, con rể của ông V là Âu Đức Quốc có thay ông V, bà M đến trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi (tổng gốc lãi là 68.000.000 đồng). Khoảng tháng 4 đến tháng 5 năm 2006 (không nhớ rõ ngày tháng) vợ chồng ông V bà M mang 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi (không nhớ cụ thể tiền lãi bao nhiêu) đến giao cho ông Hồ Minh T, mục đích để trả nợ Ngân hàng, khi đó ông T là Phó giám đốc Ngân hàng, ông T chỉ đạo bà Vũ Thanh H1 nhân viên Ngân hàng trả lại cho vợ chồng ông V 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Tuy nhiên một thời gian sau, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông V giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả nợ vì cho rằng ông V, bà M chưa trả nợ Ngân hàng. Năm 2009, 2010 Ngân hàng đã khởi kiện vợ chồng ông V trả tiền nợ vay, được xét xử bằng Bản án số 96/2010/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Vì mối quan hệ thân thiết giữa vợ chồng ông V bà M với ông Hồ Minh T nên vợ chồng ông V tin tưởng giao tiền cho ông T mà không lấy biên nhận nên khởi kiện cá nhân ông T trả lại số tiền 200.000.000 đồng, khi giao tiền có bà Vũ Thanh H1 chứng kiến.

Bị đơn ông Hồ Minh T trình bày:

Ông không nhận tiền của vợ chồng ông V và bà M, nguyên đơn không đưa 200.000.000 đồng cho ông như nguyên đơn đã trình bày, sự việc trên là bịa đặt vu khống. Trước đây vợ chồng ông V vay Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu long (nay là Ngân hàng BIDV) số tiền 250.000.000 đồng có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông V, bà M trả số tiền 50.000.000 đồng thì Ngân hàng xuất một phần tài sản thế chấp, nhưng bộ phận kho quỹ đã trả nhầm cả

02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó Ngân hàng đã khởi kiện vợ chồng ông V trả nợ, đã có Bản án có hiệu lực pháp luật buộc ông V, bà M thanh toán nợ cho Ngân hàng và phát mãi tài sản thế chấp. Giữa ông và nguyên đơn không có mối quan hệ thân thiết, quá trình nguyên đơn vay tiền và trả tiền cho Ngân hàng thì ông cũng không tiếp xúc. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày do bà M bị mất năng lực nên trước đây có trình bày mâu thuẫn không thống nhất, vậy căn cứ nào bà M nói đưa tiền cho ông là đúng.

Vì ông không nhận số tiền 200.000.000 đồng của vợ chồng ông V và cũng không chỉ đạo bà H1 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

Người làm chứng

- Bà Vũ Thanh H1 trình bày:

Năm 2006, vợ chồng ông V, bà M có đưa 200.000.000 đồng cho ông Hồ Minh T hay không thì bà không biết và bà không chứng kiến. Vào năm 2006, bà làm việc tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng song Cửu Long với chức vụ là thủ kho, căn cứ Phiếu xuất ngoại bang ngày 25-4-2006 có ghi rõ xuất một phần tài sản là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V vì mới trả 50.000.000 đồng tiền gốc và khoảng 10.000.000 đồng tiền lãi, nhưng do sơ suất nên bà đã giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V. Sự việc này đã được giải quyết trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng với vợ chồng ông V xong. Theo bà biết thì quy trình nộp tiền vào ngân hàng rất chặt chẽ, qua nhiều khâu do cán bộ chuyên trách thực hiện chứ ông T không thể tự thu tiền hoặc trả tài sản được. Ông T cũng không chỉ đạo bà trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam do người đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trước đây có tên là Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long. Vào thời điểm năm 2006, ông Hồ Minh T là Phó Giám đốc phụ trách điều hành tại Ngân hàng, theo trình tự thủ tục thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông T không được nhận tiền trực tiếp từ khách hàng trả mà khi khách hàng trả nợ thì bộ phận kế toán sẽ kiểm tra gốc, lãi và ra phiếu thu tiền, khách hàng trả tiền xong sẽ căn cứ vào đây để ra phiếu xuất tài sản thế chấp, căn cứ vào đây thủ kho sẽ giao trả lại tài sản thế chấp. Về việc trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V là do thủ kho của Ngân hàng trả nhầm, thay vì chỉ trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Phiếu xuất ngoại bang ngày 25-4-2006 do bên vay đã trả được một phần nợ gốc 50.000.000 đồng, nhân viên thủ kho lại trả nhầm 02 giấy. Việc tranh chấp nợ vay giữa vợ chồng ông V với Ngân hàng đã được giải quyết bằng bản án số 96/2010/DS-PT.

Năm 2006, bà Nguyễn Thị M, ông Huỳnh văn V có giao số tiền 200.000.000 đồng cho ông T hay không thì Ngân hàng không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã quyết định:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 207, 210, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 2, Điều 166 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn V về việc tranh chấp đòi tài sản với ông Hồ Minh T đối với số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn ông Huỳnh Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn V, bà Nguyễn Thị M do ông Nguyễn Văn H đại diện trình bày:

Yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gồm: Giấy báo nợ đến hạn, giấy báo nợ quá hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn, Đơn yêu cầu giải chấp một phần tài sản của ông V, bà M và Biên bản đòi nợ của Ngân hàng. Chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Phiếu xuất ngoại bang ngày 25-4-2006 giải chấp một phần tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị M nhưng người ký nhận lại là ông V, chữ viết Huỳnh Văn V không phải là chữ của ông V, Văn phòng Công Chứng Bùi Thị Đào không tìm thấy hợp đồng giải chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị M, Tờ khai làm chứng của bà Huỳnh Phi Phụng người mua đất của bà M, bà Vũ Thanh H1 – Thủ kho Ngân hàng không có giao nhầm hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chứng cứ vợ chồng ông V, bà M có giao ông T 200.000.000 đồng là việc Ngân hàng trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M chứng minh được có bán đất, heo, cá để có số tiền 200.000.000 đồng giao cho ông T nên ông T trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông T không nộp tiền vào ngân quỹ, không làm biên nhận cho bà M. Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định ông T có nhận của bà M 200.000.000 đồng, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Hồ Minh T trình bày:

Bên nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông V, bà M giao tiền cho ông. Các chứng cứ nguyên đơn đưa ra không liên quan đến vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông T không thừa nhận, ông V và bà M không chứng minh được có giao 200.000.000 đồng cho ông T. Ông V, bà M cho rằng đã nhận hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đã trả xong nợ cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng chỉ xuất trả cho ông V một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, kháng cáo của ông V không có cơ sở chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông V được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc ông V yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gồm Giấy báo nợ đến hạn, giấy báo nợ quá hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn, Đơn yêu cầu giải chấp một phần tài sản của ông V, bà M và Biên bản đòi nợ của Ngân hàng.

[3] Xét thấy, các tài liệu chứng cứ trên không liên quan đến việc xem xét, giải quyết đơn khởi kiện của ông V yêu cầu ông T trả số tiền 200.000.00 đồng mà chỉ liên quan đến tranh chấp hợp đồng tín dụng, trong khi hợp đồng tín dụng đã được giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 96/2010/DS-PT ngày 28-4-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã có hiệu lực pháp luật nên xét thấy việc thu thập tài liệu chứng cứ trên là không cần thiết.

[4] Nguyên đơn ông V yêu cầu ông T trả số tiền 200.000.000 đồng. Với các căn cứ sau: Vào năm 2006, không nhớ rõ ngày tháng, vợ chồng ông V có giao cho ông T 200.000.000 đồng để trả khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam, chứng cứ đưa ra là 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được ông T khi đó là Phó giám đốc Ngân hàng yêu cầu bà Vũ Thanh H1 giao trả; Phiếu xuất ngoại bang ngày 25-4-2006 của Ngân hàng về việc xuất một phần tài sản thế chấp nhưng chữ viết tên Huỳnh Văn V ở mục người nhận không phải do ông V viết, chữ ký người nhận thì có thể là giả; Văn bản của Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đào cung cấp thông tin không tìm thấy hồ sơ giải chấp đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số 664062, vợ chồng ông V, bà M cũng không có đơn đề nghị giải chấp; Kết luận của cơ quan Công an huyện Mộc Hóa xác định không có việc Ngân hàng giao nhầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà M có chứng minh được thời điểm năm 2006 bà M bán đất cho bà Phụng và bán heo, cá có số tiền trên.

[5] Xét thấy, các chứng cứ nêu trên không có cơ sở để xác định vợ chồng ông V, bà M có giao cho ông T số tiền 200.000.000 đồng để ông T nộp lại cho

Ngân hàng nhằm mục đích tất toán khoản nợ vay của ông V và bà M với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam. Bởi lẽ:

[6] Ông T không thừa nhận có nhận số tiền 200.000.000 đồng do vợ chồng ông V và bà M giao; người làm chứng là bà Vũ Thanh H1 và Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam (trước đây là Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long) trình bày không biết việc ông V, bà M giao tiền cho ông T. Việc giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tài sản thế chấp của vợ chồng ông V cho Ngân hàng) là do nhầm lẫn, thay vì chỉ trả 01 giấy chứng nhận theo Phiếu xuất ngoại bang ngày 25-4-2006 nhưng bà H1 đã giao cả 02 giấy cho ông V. Bà H1 trình bày ông T không yêu cầu bà trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V, bà không chứng kiến việc ông V bà M giao tiền cho ông T. Quy trình nộp tiền tại ngân hàng chặt chẽ, qua nhiều khâu do cán bộ chuyên trách thực hiện chứ ông T không thể tự thu tiền hoặc trả tài sản.

[7] Mặt khác, ông V, bà M còn cho rằng đã trả hết nợ cho Ngân hàng nên ông bà mới được nhận lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng theo Bản án dân sự phúc thẩm số 96/2010/DS-PT ngày 28-4-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long (nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam). Buộc ông V và bà M trả nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi 133.646.700 đồng. Các tài liệu chứng cứ mà ông V trình bày ở trên chỉ liên quan đến tranh chấp hợp đồng tín dụng số TA 0116.05/HĐTD ngày 12-4-2005, giữa ông V, bà M với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long và đã được giải quyết xong bằng Bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Ông V, bà M không xác định được cụ thể thời gian giao tiền, không có người chứng kiến, không có văn bản khi giao tiền; không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc đã giao tiền cho ông T. Ngoài ra, khi ông V, bà M trả lần đầu cho Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000 đồng như vậy tiền gốc còn thiếu là 200.000.000 đồng nhưng ông V, bà M cho rằng đã giao cho ông T 200.000.000 đồng và nhận lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đã trả nợ xong cho Ngân hàng là không phù hợp vì chưa trả tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V do ông H đại diện trình bày, ông V, bà M có giao tiền đóng lãi của số tiền gốc 200.000.000 đồng cho ông T hay không ông không rõ.

[9] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn V yêu cầu ông T trả 200.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kháng cáo của ông V yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V là có căn cứ.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông V kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông V là người cao tuổi, có đơn đề nghị được miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn V;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 207, 210, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 2, Điều 166 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn V về việc tranh chấp đòi tài sản với ông Hồ Minh T đối với số tiền 200.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu:. HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu